TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 833/2018/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 27 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 476/2018/TLST-HNST ngày 13/4/2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Người yêu cầu: Anh Vũ Thế Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 54/26/6 đường số X, Phường Y, quận G, Thành phố H.

Người yêu cầu: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 54/26/6 đường số X, Phường Y, quận G, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Vũ Thế Đ và Chị Lê Thị Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Vũ Thế Đ và Chị Lê Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 168/2010 quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường X, quận G, Tp.H cấp ngày 24/11/2010 không còn hiệu lực.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Vũ Gia B, sinh ngày 16/07/2011.

Giao con chung cho anh Đtrực tiếp nuôi dưỡng, chị Tcấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ ngày 01/7/2018.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Chị Tđược quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi anh Đcó đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Tchưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng chị Tcòn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng Anh Vũ Thế Đ và Chị Lê Thị Thanh T chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng anh Đ, chị Tđã nộp theo biên lai thu tiền số 0028964 ngày 13/04/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Anh Đ, chị Tđã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA DS quận Gò Vấp;
- UBND Phường X, Q.G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Thị Huệ